TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2023/DS-ST

Ngày: 20/9/2023

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Minh Phụng.

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 150/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2023 về việc*"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139B/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông T, sinh năm 19UU - Chủ hộ kinh doanh T1;

Địa chỉ: Số R lộ T, khóm W, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà M, sinh năm 19II (văn bản ủy quyền lập ngày 10/4/2023, có mặt).

Địa chỉ: Số nhà I, khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn:

2.1. Ông M, sinh năm 19UUU (có mặt);

2.2. Bà H, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Nhà không số, ấp P, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/4/2023, cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông T trình bày:

Từ ngày 02/01/2017 đến ngày 16/7/2019, Hộ kinh doanh T1 (tại thời điểm ký kết hợp đồng do ông M làm chủ hộ đến ngày 23/02/2023 chuyển giao ông T là chủ hộ), có giao kết hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm do Công ty V sản xuất và thuốc thủy sản với ông M và bà H. Tuy nhiên, sau khi thu hoạch tôm ông M và bà H không

thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ như đã thỏa thuận. Vào ngày 29/10/2022 hai bên đối chiếu nợ, ông M và bà H còn liên đới nợ tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản của Hộ kinh doanh T1 (do ông T là chủ hộ) với số tiền là 331.773.000 đồng (ba trăm ba mươi mốt triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn đồng). Nay nguyên đơn ông T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Buộc các bị đơn ông M và bà H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả số tiền nợ nêu trên là 331.773.000 đồng (ba trăm ba mươi mốt triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn đồng). Về lãi suất chậm trả ông T không có yêu cầu.

Tại phiên tòa, bị đơn ông M trình bày: Ông M thống nhất với nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn ông T (Hộ kinh doanh T1) và thừa nhận vợ chồng ông M và bà H còn nợ tiền thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của ông T với số tiền là 331.773.000 đồng (ba trăm ba mươi mốt triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn đồng). Do nuôi tôm thất bại, nên không có tiền trả cho ông T như đã thoả thuận.

Đối với bị đơn bà H: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp để kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ đối với bà H, nhưng bà H vắng mặt và không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án có thông báo kết quả mở phiên họp cho bà H biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn ông T khởi kiện yêu cầu các bị đơn ông M và bà H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ tiền mua thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản với số tiền là 331.773.000 đồng (ba trăm ba mươi mốt triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn đồng) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Tòa án thụ lý giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa: Bị đơn bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà H theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

[1] Từ ngày 02/01/2017 đến ngày 16/7/2019, ông M và bà H có mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của Hộ kinh doanh T1 (tại thời điểm ký kết hợp đồng do ông M làm chủ hộ đến ngày 23/02/2023 chuyển giao ông T là chủ hộ) và tính đến ngày

29/10/2022 hai bên đối chiếu nợ thì ông M và bà H còn nợ tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản của Hộ kinh doanh T1 do ông T làm chủ hộ với tổng số tiền là 331.773.000 đồng (ba trăm ba mươi mốt triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn đồng). Việc hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản giữa ông T với ông M và bà H gồm có: Sổ giao nhận hàng; Bảng đối chiếu xác nhận nợ ngày 29/10/2022. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì nguyên đơn ông T không cần phải chứng minh.

[2] Về lãi suất chậm trả: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Từ những nhận định nêu trên, căn cứ vào các Điều 430; 440; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T (chủ Hộ kinh doanh T1). Buộc các bị đơn ông M và bà H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cho ông T (chủ Hộ kinh doanh T1) với số tiền là 331.773.000 đồng (ba trăm ba mươi mốt triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T được chấp nhận, nên các bị đơn ông M và bà H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 144, 146, 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 288, 430; 440; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T (Chủ Hộ kinh doanh T1).

Buộc các bị đơn ông M và bà H có nghĩa vụ liên đới thanh toán nợ cho ông T (Chủ Hộ kinh doanh T1) số tiền là 331.773.000 đồng (ba trăm ba mươi mốt triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông M và bà H còn liên đới trả lãi cho ông T (chủ Hộ kinh doanh T1) theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Các bị đơn ông M và bà H phải liên đới chịu là 16.588.650 đồng (mười sáu triệu năm trăm tám mươi tám nghìn sáu trăm năm mươi đồng).

- Nguyên đơn ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông T (Chủ Hộ kinh doanh T1) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp với số tiền là 8.294.000 đồng (tám triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007943 ngày 25/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014)".

Nơi nhận:
- VKSND TXVC;
- THADS TXVC;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vũ Phương